

BẢNG ĐIỂM KỲ THI
CHỨNG CHỈ TIN HỌC ỨNG DỤNG CNTT CƠ BẢN

Ngày Thi: 09/8/2026

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Nơi Sinh	Điểm lý thuyết	Điểm Thực hành	Kết quả	Ghi chú
1	BKCB10891	Trịnh Thị	An	03/05/1990	Thanh Hóa	9,0		Không đạt	
2	BKCB10892	Đạt Mỹ	Anh	09/06/1983	Khánh Hòa	9,5		Không đạt	
3	BKCB10893	Nguyễn Thị Tú	Anh	19/08/1974	Khánh Hòa	9,25		Không đạt	
4	BKCB10894	Phan Ngô Quốc	Anh	20/04/2001	Lâm Đồng	9,75		Không đạt	
5	BKCB10895	Trần Thế	Anh	16/03/1985	Quảng Trị	10,0		Không đạt	
6	BKCB10896	Nguyễn Tiến	Đạt	19/11/2005	Lâm Đồng	6,5		Không đạt	
7	BKCB10897	Ka Ha Nê	Duyễn	01/01/2007	Lâm Đồng	5,75		Không đạt	
8	BKCB10898	Phạm Thị	Hân	18/11/1991	Hải Phòng	5,75		Không đạt	
9	BKCB10899	Vũ Thị	Hằng	21/01/1988	Lâm Đồng	9,0		Không đạt	
10	BKCB10900	Ka	Hurs	20/11/2007	Lâm Đồng	9,25		Không đạt	
11	BKCB10901	Lê Thị Vân	Khánh	18/03/1987	Thanh Hóa	8,0		Không đạt	
12	BKCB10902	Nguyễn Văn	Linh	10/10/1998	An Giang	9,75		Không đạt	
13	BKCB10903	Phạm Thị Thanh	Loan	17/07/1988	Ninh Bình	9,75		Không đạt	
14	BKCB10904	Lê Kim	Ly	18/09/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	9,25	8,67	Đạt	
15	BKCB10905	Nguyễn Ngọc Phương	Mai	06/08/2003	Thành phố Huế	7,5		Không đạt	
16	BKCB10906	Lê Thị Hồng	Nhung	15/10/2001	Lâm Đồng	9,75		Không đạt	
17	BKCB10907	Nguyễn Thị Kim	Oanh	10/10/2007	Lâm Đồng	10,0		Không đạt	
18	BKCB10908	Đỗ Thị Bích	Phương	28/04/2007	Lâm Đồng	9,75		Không đạt	
19	BKCB10909	Hoàng Sỹ Minh	Phương	01/11/1983	Lâm Đồng	8,75		Không đạt	
20	BKCB10910	Cil Múp Ru	Phus	04/11/2002	Lâm Đồng	8,25		Không đạt	
21	BKCB10911	Chu Thị Mỹ	Tâm	24/08/2003	Hà Nội	9,5		Không đạt	
22	BKCB10912	Lê Thị Bích	Thúy	28/10/1988	Đồng Tháp	8,0		Không đạt	
23	BKCB10913	Vương Nguyễn Thảo	Trang	25/02/2003	Lâm Đồng	9,5		Không đạt	
24	BKCB10914	Trần Thanh	Tùng	05/02/2003	Lâm Đồng	9,75	8,0	Đạt	
25	BKCB10915	Hồ Yến Trâm	Tuyền	28/08/1992	Khánh Hòa	7,75		Không đạt	
26	BKCB10916	Tô Thị	Tuyết	10/05/1985	Ninh Bình	8,5		Không đạt	
27	BKCB10917	Cill Pam Ma Lê	Vin	05/08/1990	Lâm Đồng			Không đạt	
28	BKCB10918	Trần Thị Thúy	Vy	30/07/2000	Khánh Hòa	8,0		Không đạt	
29	BKCB10919	Nguyễn Hoàng Thiên	Ý	27/01/1998	Lâm Đồng	9,75	9,0	Đạt	
30	BKCB10920	Đỗ Ngọc Hoàng	Anh	20/01/2007	Gia Lai			Không đạt	
31	BKCB10921	Ngô Thanh	Điền	13/09/1987	Vĩnh Long			Không đạt	
32	BKCB10922	Nguyễn Thanh	Duy	04/10/2010	Thành phố Hồ Chí Minh			Không đạt	
33	BKCB10923	Hoàng Phi	Hải	08/10/2009	Thành phố Đồng Nai			Không đạt	
34	BKCB10924	Nguyễn Trọng	Hiếu	24/04/2009	An Giang			Không đạt	
35	BKCB10925	Dương Gia	Huy	10/06/2009	Thành phố Hồ Chí Minh			Không đạt	
36	BKCB10926	Lê Hà Gia	Huy	10/10/2009	Thành phố Hồ Chí Minh			Không đạt	
37	BKCB10927	Trịnh Ngọc	Huy	05/03/2007	Thành phố Đồng Nai			Không đạt	

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Nơi Sinh	Điểm lý thuyết	Điểm Thực hành	Kết quả	Ghi chú
38	BKCB10928	Nguyễn Thiện	Khang	28/05/2008	Thành phố Hồ Chí Minh			Không đạt	
39	BKCB10929	Phan Thúc	Khang	28/01/2010	Thành phố Hồ Chí Minh			Không đạt	
40	BKCB10930	Hồ Xuân	Khánh	28/04/2009	Hà Nội			Không đạt	
41	BKCB10931	Mai Thùy	Linh	02/11/2009	Thành phố Hồ Chí Minh			Không đạt	
42	BKCB10932	Lê Trần Thành	Lộc	15/06/2007	Vĩnh Long			Không đạt	
43	BKCB10933	Nguyễn Thanh	Long	13/06/2007	Đồng Tháp			Không đạt	
44	BKCB10934	Ngô Nguyễn Thanh	Mai	03/07/2007	Thành phố Hồ Chí Minh			Không đạt	
45	BKCB10935	Nguyễn Đỗ Thảo	My	22/10/2009	Thành phố Hồ Chí Minh			Không đạt	
46	BKCB10936	Lê Huỳnh Tuyết	Ngân	06/07/2009	Thành phố Hồ Chí Minh			Không đạt	
47	BKCB10937	Nguyễn Thị Huỳnh	Ngân	02/09/1995	Thành phố Đà Nẵng			Không đạt	
48	BKCB10938	Hồ Văn	Nghi	24/05/1989	Quảng Trị			Không đạt	
49	BKCB10939	Lai Bích	Ngọc	11/01/2009	Thành phố Hồ Chí Minh			Không đạt	
50	BKCB10940	Phạm Thị Xuân	Nhã	15/02/2007	Tây Ninh			Không đạt	
51	BKCB10941	Nguyễn Như	Nhất	28/11/2007	Gia Lai			Không đạt	
52	BKCB10942	Nguyễn Phi	Nhung	16/08/2007	Thành phố Hồ Chí Minh			Không đạt	
53	BKCB10943	Nguyễn Trần Tuyết	Nhung	07/01/2009	Thành phố Hồ Chí Minh			Không đạt	
54	BKCB10944	Hồ Văn	Păng	16/02/1997	Quảng Trị			Không đạt	
55	BKCB10945	Hoàng Gia	Phát	25/09/2009	Thành phố Hồ Chí Minh			Không đạt	
56	BKCB10946	Nguyễn Tấn	Phát	06/08/2007	Thành phố Hồ Chí Minh			Không đạt	
57	BKCB10947	Trần Quang	Phát	07/01/2008	Thành phố Hồ Chí Minh			Không đạt	
58	BKCB10948	Nguyễn Thị Yên	Phi	20/11/2007	Đồng Tháp			Không đạt	
59	BKCB10949	Phạm Long	Phi	07/01/2007	Vĩnh Long			Không đạt	
60	BKCB10950	Dương Thị Kim	Pho	14/02/2007	Tây Ninh			Không đạt	
61	BKCB10951	Nguyễn Như	Quỳnh	12/11/2009	Thành phố Hồ Chí Minh			Không đạt	
62	BKCB10952	Hồ Thị	Reng	31/05/2006	Quảng Trị			Không đạt	
63	BKCB10953	Lê Hữu	Tài	23/02/2006	Thành phố Đồng Nai			Không đạt	
64	BKCB10954	Nguyễn Hoàng	Tấn	08/02/2005	Vĩnh Long			Không đạt	
65	BKCB10955	Lê Hồng	Thái	23/01/2007	Đồng Tháp			Không đạt	
66	BKCB10956	Thạch Chí	Thắng	24/05/2010	Thành phố Hồ Chí Minh			Không đạt	
67	BKCB10957	Tôn Quốc	Thắng	01/08/2009	Đồng Tháp			Không đạt	
68	BKCB10958	Trịnh Minh	Thắng	24/11/2009	An Giang			Không đạt	
69	BKCB10959	Nguyễn Tuấn	Thành	05/02/2005	Đắk Nông			Không đạt	
70	BKCB10960	Hồ Văn	Thiện	02/08/1989	Thành phố Huế			Không đạt	
71	BKCB10961	Hoàng Văn	Thiện	23/05/2006	Lâm Đồng			Không đạt	
72	BKCB10962	Trương Hoàng	Thiện	17/02/2007	Đồng Tháp			Không đạt	
73	BKCB10963	Lê Trường	Thọ	27/04/2007	Gia Lai			Không đạt	
74	BKCB10964	Phan Nhã	Thư	11/11/2009	Thành phố Hồ Chí Minh			Không đạt	
75	BKCB10965	Lê Minh	Thuận	16/10/2009	Thành phố Hồ Chí Minh			Không đạt	
76	BKCB10966	Nguyễn Thanh	Thúy	01/12/2009	Thành phố Hồ Chí Minh			Không đạt	
77	BKCB10967	Phan Hồ Minh	Tiến	14/10/2008	Thành phố Hồ Chí Minh			Không đạt	
78	BKCB10968	Nguyễn Thị Ngọc	Trang	26/10/1971	Thành phố Hồ Chí Minh			Không đạt	
79	BKCB10969	Phạm Thanh	Trang	20/10/2009	Thành phố Hồ Chí Minh			Không đạt	

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Nơi Sinh	Điểm lý thuyết	Điểm Thực hành	Kết quả	Ghi chú
80	BKCB10970	Võ Anh	Trí	02/06/2003	Thành phố Hồ Chí Minh			Không đạt	
81	BKCB10971	Huỳnh Đoàn	Trọng	23/10/2009	Đồng Tháp			Không đạt	
82	BKCB10972	Danh Thành	Trung	04/10/2010	An Giang			Không đạt	
83	BKCB10973	Cổ Lâm Thanh	Tùng	08/11/2010	Vĩnh Long			Không đạt	
84	BKCB10974	Trần Nguyễn Kim	Tuyền	11/03/2007	Thành phố Hồ Chí Minh			Không đạt	
85	BKCB10975	Sú Ngọc	Vân	22/10/2009	Thành phố Hồ Chí Minh			Không đạt	
86	BKCB10976	Huỳnh Tấn	Vinh	11/12/2010	Thành phố Hồ Chí Minh			Không đạt	
87	BKCB10977	Trịnh Phúc	Vinh	25/04/2008	Thành phố Hồ Chí Minh			Không đạt	
88	BKCB10978	Đinh Triệu	Vy	28/05/2007	Thành phố Hồ Chí Minh			Không đạt	
89	BKCB10979	Lê Uyên	Vy	07/11/2003	Thành phố Hồ Chí Minh			Không đạt	
90	BKCB10980	Đỗ Đức	Anh	06/11/2000	Thành phố Hồ Chí Minh	9,67	9,33	Đạt	
91	BKCB10981	Nguyễn Đặng Minh	Anh	13/11/2007	Sóc Trăng	8,0	4,5	Không đạt	
92	BKCB10982	Phan Hồ Quỳnh	Anh	25/01/2006	Nghệ An	9,33	6,33	Đạt	
93	BKCB10983	Nguyễn Vũ Ngọc	Bảo	02/01/2006	Ninh Bình	7,33	6,67	Đạt	
94	BKCB10984	Hoàng Vũ Minh	Châu	25/05/2005	Đồng Nai	7,0	6,0	Đạt	
95	BKCB10985	Lê Trương Quế	Chi	27/09/2003	Gia Lai	7,67	7,0	Đạt	
96	BKCB10986	Võ Minh	Danh	06/09/2005	Đồng Nai	5,67	5,17	Đạt	
97	BKCB10987	Dur Đông	Đào	16/10/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	10,0	9,0	Đạt	
98	BKCB10988	Trần Như	Diệu	11/02/1992	Lâm Đồng				Vắng
99	BKCB10989	Lê Quý	Đức	20/09/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	7,0	4,33	Không đạt	
100	BKCB10990	Nguyễn Quang	Dũng	21/07/2003	Thành phố Hồ Chí Minh				Vắng
101	BKCB10991	Lê Công	Duy	25/09/1987	Thành phố Hồ Chí Minh	9,0	8,0	Đạt	
102	BKCB10992	Nguyễn Đức	Duy	09/01/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	9,33	9,0	Đạt	
103	BKCB10993	Phạm Đức	Duy	03/09/2003	Long An	7,67	6,0	Đạt	
104	BKCB10994	Phạm Thị Mỹ	Duyên	20/07/1991	Quảng Ngãi	9,67	9,17	Đạt	
105	BKCB10995	Trần Phan Mỹ	Duyên	26/06/2006	Gia Lai	9,33	8,33	Đạt	
106	BKCB10996	Tôn Đức	Giang	25/07/2007	Thành phố Hồ Chí Minh	8,67	9,33	Đạt	
107	BKCB10997	Nguyễn Thị Ngọc	Giàu	18/01/2007	Tây Ninh	9,33	8,5	Đạt	
108	BKCB10998	Bùi Thị Xuân	Hạ	03/05/2005	Quảng Ngãi	9,67	7,0	Đạt	
109	BKCB10999	Nguyễn Minh	Hải	01/11/2004	Bình Thuận	7,67	8,17	Đạt	
110	BKCB11000	Vì Ngọc Bảo	Hân	04/12/2006	Đắk Lắk	10,0	8,67	Đạt	
111	BKCB11001	Nguyễn Hồng	Hạnh	22/05/2004	Quảng Trị				Vắng
112	BKCB11002	Nguyễn Thuý	Hiền	16/09/2004	Bà Rịa - Vũng Tàu	9,0	7,67	Đạt	
113	BKCB11003	Nguyễn Minh	Hiền	26/10/2003	Tây Ninh				Vắng
114	BKCB11004	Nguyễn Tấn	Hiệp	13/03/2003	Đồng Nai	8,33	7,33	Đạt	
115	BKCB11005	Đinh Thị Ngọc	Hiếu	03/05/2001	Gia Lai	6,0	6,33	Đạt	
116	BKCB11006	Bùi Thị	Hoài	05/10/2006	Đắk Lắk	10,0	8,67	Đạt	
117	BKCB11007	Hồ Huy	Hoàng	30/07/2007	Đà Nẵng	5,33	4,33	Không đạt	Không excel
118	BKCB11008	Nguyễn Nhật	Hoàng	01/04/1999	Quảng Trị	6,67	3,33	Không đạt	
119	BKCB11009	Nguyễn Thị Diễm	Hồng	08/08/2000	Đồng Nai				Vắng
120	BKCB11010	Đào Tấn	Hung	14/10/2003	Đắk Lắk	9,33	7,0	Đạt	
121	BKCB11011	Hoàng Thị Kim	Hương	22/03/1989	Quảng Ngãi	9,0	7,83	Đạt	

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Nơi Sinh	Điểm lý thuyết	Điểm Thực hành	Kết quả	Ghi chú
122	BKCB11012	Phạm Quỳnh	Hương	17/01/2004	Đồng Nai	9,0	7,33	Đạt	
123	BKCB11013	Lê Võ Minh	Khang	20/01/2004	Ninh Thuận	9,33	6,33	Đạt	
124	BKCB11014	Đặng Ngọc	Khoa	26/02/2002	Hưng Yên	5,67	3,67	Không đạt	
125	BKCB11015	Huỳnh Trương Anh	Khoa	27/12/2007	Thành phố Hồ Chí Minh	7,67	6,0	Đạt	
126	BKCB11016	Phan Huỳnh Anh	Khoa	28/09/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	8,0	7,33	Đạt	
127	BKCB11017	Nguyễn Thiên	Kim	22/04/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	9,33	7,0	Đạt	
128	BKCB11018	Từ Khả	Kỳ	20/07/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	9,33	7,33	Đạt	
129	BKCB11019	Đoàn Gia	Lâm	15/04/2007	Đắk Lắk	8,33	7,33	Đạt	
130	BKCB11020	Đàng Uyên	Linh	06/10/2003	Khánh Hoà	9,0	9,0	Đạt	
131	BKCB11021	Trần Thị Anh	Linh	18/07/1986	Phú Thọ	9,33	7,0	Đạt	
132	BKCB11022	Lê Thị Mai	Linh	14/12/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	7,33	7,17	Đạt	
133	BKCB11023	Vũ Ngọc	Long	24/02/1994	Thành phố Hồ Chí Minh	7,33	8,33	Đạt	
134	BKCB11024	Mai Nguyễn Khánh	Ly	22/07/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	7,33	7,67	Đạt	
135	BKCB11025	Nguyễn Ngọc Đan	Ly	15/08/2006	Đồng Nai	9,33	8,33	Đạt	
136	BKCB11026	Huỳnh Thị Mai	Lý	14/03/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	8,33	8,33	Đạt	
137	BKCB11027	Nguyễn Trần Xuân	Mai	27/01/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	7,33	6,17	Đạt	
138	BKCB11028	Trần Xuân	Mai	04/09/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	9,0	7,33	Đạt	
139	BKCB11029	Vô Thị Ngọc	Mai	04/09/1991	Tây Ninh	10,0	9,0	Đạt	
140	BKCB11030	Đỗ Văn	Mạnh	12/11/2002	Lâm Đồng	8,33	8,0	Đạt	
141	BKCB11031	Nguyễn Thị Hồng	Minh	12/03/1978	Thành phố Hồ Chí Minh	7,33	7,0	Đạt	
142	BKCB11032	Phạm Quang	Minh	02/04/2015	Thành phố Hồ Chí Minh	8,0	6,67	Đạt	
143	BKCB11033	Trần Tạ Ngọc	Minh	11/08/2012	Hà Nội				Vắng
144	BKCB11034	Đặng Thảo	My	09/12/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	5,67	5,67	Đạt	
145	BKCB11035	Lê Hà	My	29/11/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	9,0	7,33	Đạt	
146	BKCB11036	Nguyễn Văn	Nam	19/11/1979	Hà Nội	8,33	8,67	Đạt	
147	BKCB11037	Nguyễn Thị Phương	Nga	04/02/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	9,0	7,33	Đạt	
148	BKCB11038	Trần Tuyết	Nga	03/05/2006	Quảng Bình	10,0	7,67	Đạt	
149	BKCB11039	Hồ Ngọc Kim	Ngân	23/11/2005	Khánh Hoà	7,67	7,33	Đạt	
150	BKCB11040	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	23/07/2006	Lâm Đồng	9,0	8,0	Đạt	
151	BKCB11041	Phạm Thị Kim	Ngân	15/02/2005	Hải Phòng	9,0	7,67	Đạt	
152	BKCB11042	Nguyễn Bảo	Ngọc	24/11/2014	Thành phố Hồ Chí Minh	8,0	6,67	Đạt	
153	BKCB11043	Nguyễn Lê Vi	Ngọc	19/06/2005	Lâm Đồng				Vắng
154	BKCB11044	Phạm Thị Bảo	Ngọc	11/06/1994	Thành phố Hồ Chí Minh	10,0	8,33	Đạt	
155	BKCB11045	Tô Bình	Nguyên	08/02/2007	Thành phố Hồ Chí Minh	5,67	5,67	Đạt	
156	BKCB11046	Nguyễn Thanh	Nhã	23/11/2006	Đồng Tháp	9,33	8,67	Đạt	
157	BKCB11047	Đào Thảo	Nhân	05/03/2005	Lâm Đồng				Vắng
158	BKCB11048	Lê Hữu	Nhân	10/11/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	10,0	8,67	Đạt	
159	BKCB11049	Lê Thảo	Nhân	02/04/1997	Vĩnh Long	8,33	8,33	Đạt	
160	BKCB11050	Huỳnh Thị YẾN	Nhi	16/09/2006	Long An	5,0	5,33	Đạt	
161	BKCB11051	Nguyễn Cẩm	Nhi	13/10/2003	Đồng Tháp	9,33	8,67	Đạt	
162	BKCB11052	Tạ Thị Yến	Nhi	25/10/2005	Tây Ninh	10,0	8,33	Đạt	
163	BKCB11053	Lê Phạm Quỳnh	Như	19/12/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	8,67	6,33	Đạt	

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Nơi Sinh	Điểm lý thuyết	Điểm Thực hành	Kết quả	Ghi chú
164	BKCB11054	Bùi Thị Phương	Nhu	01/09/1994	Cần Thơ	8,67	9,67	Đạt	
165	BKCB11055	Nguyễn Lê Minh	Nhựt	24/04/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	9,33	8,33	Đạt	
166	BKCB11056	Huỳnh Thị Kim	Oanh	04/08/2004	Quảng Ngãi	9,67	8,33	Đạt	
167	BKCB11057	Nguyễn Vạn	Phát	29/08/1999	Thành phố Hồ Chí Minh	9,67	8,33	Đạt	
168	BKCB11058	Lê Thanh	Phong	07/11/2002	Tây Ninh	6,67	7,0	Đạt	
169	BKCB11059	Nguyễn Kim	Phụng	09/07/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	10,0	8,67	Đạt	
170	BKCB11060	Trương Hoàng	Phước	26/11/2005	Tây Ninh	8,67	8,33	Đạt	
171	BKCB11061	Lê Thị Thu	Phương	03/06/1999	Thành phố Hồ Chí Minh				Vắng
172	BKCB11062	Nguyễn Hoàng Nam	Phương	07/06/2007	Thành phố Hồ Chí Minh	9,67	8,0	Đạt	
173	BKCB11063	Nguyễn Thanh	Phương	10/01/1989	Cần Thơ	8,33	7,67	Đạt	
174	BKCB11064	Phạm Hoài	Phương	10/08/2006	Gia Lai	9,67	7,33	Đạt	
175	BKCB11065	Hoàng	Quân	01/04/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	5,33	7,0	Đạt	
176	BKCB11066	Huỳnh Ngọc	Quế	07/04/2006	Cà Mau	9,33	8,67	Đạt	
177	BKCB11067	Bùi Thị	Quyên	08/04/1988	Hải Phòng	8,67	7,67	Đạt	
178	BKCB11068	Trần Trúc	Quỳnh	13/11/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	9,0	6,67	Đạt	
179	BKCB11069	Lê Anh	Tài	17/01/2001	Cần Thơ	9,33	7,67	Đạt	
180	BKCB11070	Lương Hồ Vĩ	Thái	02/02/2000	An Giang	9,0	5,33	Đạt	
181	BKCB11071	Nguyễn Quốc	Thạnh	17/01/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	6,67	7,67	Đạt	
182	BKCB11072	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	12/04/2002	Đắk Lắk	8,33	7,67	Đạt	
183	BKCB11073	Phạm Thị Thanh	Thảo	15/03/2004	Đồng Nai	9,0	8,33	Đạt	
184	BKCB11074	Phạm Thị Thanh	Thảo	15/03/2004	Thành phố Đồng Nai				Trùng tên
185	BKCB11075	Đoàn Thị Minh	Thư	27/01/2006	Đồng Nai	10,0	9,0	Đạt	
186	BKCB11076	Hồ Lê Minh	Thư	28/06/2003	Tây Ninh	9,0	8,0	Đạt	
187	BKCB11077	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	23/07/2007	Tây Ninh	8,33	8,67	Đạt	
188	BKCB11078	Trần Ngọc Anh	Thư	10/04/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	9,67	8,67	Đạt	
189	BKCB11079	Trần Thị Anh	Thư	04/12/2006	Đồng Nai	10,0	7,67	Đạt	
190	BKCB11080	Trần Ngọc	Thuần	19/02/2006	Cần Thơ	9,33	9,0	Đạt	
191	BKCB11081	Nguyễn Thanh	Thuận	13/04/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	9,33	8,0	Đạt	
192	BKCB11082	Phan Dũ	Thuận	04/01/2004	Đồng Tháp	10,0	9,0	Đạt	
193	BKCB11083	Nguyễn Hoàng Minh	Thương	20/01/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	9,0	8,0	Đạt	
194	BKCB11084	Phan Thị Linh	Thương	29/01/2003	Đồng Tháp	5,0	5,0	Đạt	
195	BKCB11085	Lê Thị Phương	Thủy	26/07/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	6,67	5,67	Đạt	
196	BKCB11086	Vũ Lưu Thu	Thủy	08/01/2003	Lâm Đồng	5,0	6,0	Đạt	
197	BKCB11087	Danh Thị Cẩm	Tiên	04/06/2002	An Giang	9,33	6,33	Đạt	
198	BKCB11088	Phạm Thủy	Tiên	08/09/2004	Long An	7,67	7,0	Đạt	
199	BKCB11089	Trừ Thị Mỹ	Tiên	05/07/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	9,0	9,33	Đạt	
200	BKCB11090	Nguyễn Thanh	Tín	15/10/2000	Kiên Giang	8,33	9,0	Đạt	
201	BKCB11091	Huỳnh Thị Minh	Trâm	17/09/2006	Gia Lai	9,33	7,0	Đạt	
202	BKCB11092	Nguyễn Ngọc	Trâm	06/06/1997	Đồng Tháp	8,0	9,0	Đạt	
203	BKCB11093	Nguyễn Thị Huyền	Trâm	05/03/2003	Thành phố Đà Nẵng	9,33	8,67	Đạt	
204	BKCB11094	Phạm Thị Bảo	Trâm	15/02/2005	Quảng Ngãi	9,0	8,67	Đạt	
205	BKCB11095	Trần Bảo Mỹ	Trân	01/01/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	10,0	8,33	Đạt	

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Nơi Sinh	Điểm lý thuyết	Điểm Thực hành	Kết quả	Ghi chú
206	BKCB11096	Nguyễn Thị Ngọc Lan	Trình	13/06/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	9,67	8,33	Đạt	
207	BKCB11097	Lý Quốc	Trung	19/09/2007	Thành phố Hồ Chí Minh	8,33	7,33	Đạt	
208	BKCB11098	Cao Bá Cầm	Tú	01/03/2005	Gia Lai	7,67	7,33	Đạt	
209	BKCB11099	Lê Minh	Tú	20/01/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	9,0	7,67	Đạt	
210	BKCB11100	Lê Mỹ	Tú	04/07/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	8,67	7,67	Đạt	
211	BKCB11101	H Quyên	Uông	01/01/2002	Đắk Lắk	9,67	9,0	Đạt	
212	BKCB11102	Nguyễn Phú	Vinh	25/11/2007	Thành phố Hồ Chí Minh	9,0	7,33	Đạt	
213	BKCB11103	Trần Thị Tường	Vy	04/10/2006	Tây Ninh	7,0	7,33	Đạt	
214	BKCB11104	Dương Ngọc Hoàng	Yến	30/09/2003	Vĩnh Long	9,67	9,0	Đạt	
215	BKCB11105	Trần Thị Ngọc	Yến	31/05/2006	Tây Ninh	8,67	8,67	Đạt	

Kết quả Đạt: Điểm lý thuyết (Trắc nghiệm) ≥ 5 và Điểm thực hành ≥ 5

Số lượng thí sinh:
 215

Số thí sinh đạt:
 114

Số lượng hiện diện:
 206

Thư ký Hội đồng

Chủ tịch Hội đồng

Ngô Quang Nhựt

Thoại Nam